

Số: 95/KL-TTT

Hưng Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm, thuế và các
khoản phải nộp ngân sách nhà nước tại Công ty TNHH sản xuất và
thương mại Thanh Tùng

Thực hiện Quyết định số 214/QĐ-TTT ngày 1 tháng 11 năm 2024 của Chánh thanh tra tỉnh Hưng Yên về Thanh tra việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thanh Tùng, thôn Văn Ổ, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Thời kỳ thanh tra: từ năm 2021 đến hết năm 2023 đối với việc chấp hành pháp luật về thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; từ năm 2020 đến hết năm 2023 đối với việc chấp hành pháp luật về lao động và bảo hiểm. Từ ngày 13/11/2024 đến ngày 13/12/2024. Đoàn thanh tra liên ngành đã tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thanh Tùng.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 16/12/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra.

Chánh Thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thanh Tùng, thôn Văn Ổ, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, được phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 02/08/2007, mã số doanh nghiệp 0900273514. Ngày 25/05/2024 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 2 với ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất kim loại màu...

Công ty thực hiện hạch toán kế toán theo hình thức: nhật ký chung; niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12; hình thức kê khai nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ; đăng ký, kê khai, nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Mỹ Hào - Văn Lâm; vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng; mã số thuế: 0900273514.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc chấp hành pháp luật về thuế

1.1. Về tiền thuê đất

- Ngày 04/10/2018, Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 106/HĐ-TĐ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên, với diện tích 13.965m², thời hạn thuê đất tính từ ngày 26/06/2012 đến ngày 16/05/2060; phương thức nộp tiền thuê đất: trả tiền hàng năm. Ngày 26/01/2018, Cục thuế tỉnh Hưng Yên có Thông báo số 465/TB-CT về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước với đơn giá thuê 7.000 đồng/m²/năm có thời gian ổn định 05 năm kể từ ngày 14/9/2017 đến ngày 13/9/2022. Ngày 04/03/2022 Cục thuế tỉnh Hưng Yên có

Thông báo số 952/TB-CTHYE về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước với đơn giá thuê đất 9.000 đồng/m²/năm có thời gian ổn định 05 năm kể từ ngày 14/9/2022 đến ngày 13/9/2027. Ngày 26/02/2024 Cục thuế tỉnh có Quyết định số 420/QĐ-CTHYE về việc giảm 30% số tiền thuê đất phải nộp năm 2023 với số tiền 37.705.500 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thuê đất phải nộp trong 3 năm là 291.830.240 đồng (năm 2021: 97.755.000 đồng; năm 2022: 106.095.740 đồng; năm 2023: 87.979.500 đồng). Qua kiểm tra Công ty đã nộp và được đối trừ vào tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng 03 năm là 329.535.740 đồng (năm 2021: Công ty được đối trừ vào tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo Thông báo của Cục thuế là 97.755.000 đồng; năm 2022: Công ty được đối trừ vào tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo Thông báo của Chi cục thuế là 40.731.250 đồng và phải nộp tiền thuê đất là 57.023.750 đồng; năm 2023: Công ty đã nộp là 125.685.000 đồng).

1.2. Việc thực hiện pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Công ty đã kê khai, nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định. Tổng số tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 03 năm phải nộp là 10.473.750 đồng (năm 2021: 2.932.650 đồng; năm 2022: 3.770.550 đồng; năm 2023: 3.770.550 đồng). Qua kiểm tra trong 03 năm công ty đã nộp đủ số tiền trên vào ngân sách nhà nước.

1.3. Việc chấp hành pháp luật về lệ phí môn bài

Hàng năm đơn vị đã nộp đủ lệ phí môn bài theo quy định tại Thông tư 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. Tổng số tiền lệ phí môn bài đã nộp trong 03 năm là 9.000.000 đồng (năm 2021: 3.000.000 đồng; năm 2022: 3.000.000 đồng; năm 2023: 3.000.000 đồng).

1.4. Việc thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty thực hiện pháp luật về thuế GTGT tương đối tốt, việc kê khai thuế GTGT được đơn vị thực hiện cơ bản đúng về thời gian, đầy đủ, đúng các chỉ tiêu số liệu theo mẫu biểu quy định. Trong kỳ thanh tra, đơn vị không phát sinh thuế GTGT phải nộp. Số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau: 1.414.397.094 đồng. Qua thanh tra trong 3 năm (2021 - 2023) chưa phát hiện các tồn tại, sai phạm trong việc chấp hành pháp luật về thuế GTGT tại đơn vị.

1.5. Việc thực hiện pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu do đơn vị cung cấp trong 3 năm (2021 - 2023) cho thấy: hàng năm Công ty nộp tờ khai quyết toán thuế và Báo cáo tài chính cho cơ quan thuế đầy đủ theo quy định. Theo báo cáo của đơn vị thu nhập tính thuế trong 3 năm là 103.109.194 đồng, trong đó (năm 2021: 24.424.607 đồng; năm 2022: 40.542.021 đồng; năm 2023: 38.142.566 đồng). Qua thanh tra tính tăng thu nhập tính thuế là 139.920.000 đồng nguyên nhân do chi phí SXKD hàng hóa dịch vụ giảm do đơn vị ủng hộ Covid-19 không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ, dẫn đến thuế TNDN phát sinh phải nộp năm quyết toán tăng 27.984.000 đồng do tăng thu nhập tính thuế.

1.6. Việc chấp hành pháp luật về Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

Căn cứ báo cáo của đơn vị và hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Đoàn thanh tra cho thấy trong 3 năm (2021 -2023) đơn vị kê khai, quyết toán thuế TNCN theo quy

định, căn cứ vào thu nhập từ tiền lương, tiền công của người lao động trong 3 năm chưa phát sinh tiền thuế TNCN phải nộp. Qua thanh tra chưa phát hiện sai phạm trong việc chấp hành pháp luật về thuế TNCN.

2. Việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm

2.1. Các loại báo cáo định kỳ về lao động

- Công ty đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình tuyển dụng và sử dụng lao động 6 tháng và cả năm.

- Công ty đã thực hiện báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động; báo cáo về tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng năm.

2.2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Công ty đã xây dựng quy trình tuyển dụng nhân sự..., hình thức và phương thức tuyển dụng trực tiếp, qua các kênh online, thông báo tuyển dụng. Không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động; không giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động.

- Thử việc: lao động tuyển mới được hướng dẫn tập nghề 2,5 tháng (*ký hợp đồng tập nghề*), tiền lương trong thời gian tập nghề bằng tiền lương của vị trí làm việc chính thức hết thời gian tập nghề được ký hợp đồng xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng.

- Công ty đã thực hiện việc lập, cập nhật, quản lý sổ lao động, tuy nhiên việc lập, cập nhật sổ quản lý lao động không đầy đủ theo quy định.

2.3. Thực hiện hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động: 01 người (là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp).

Loại hợp đồng đã ký kết	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lao động làm việc tại doanh nghiệp (tính đến 31/12 hàng năm)				
Số người thuộc diện phải ký kết HĐLĐ	32	32	32	33
Số người đã ký kết HĐLĐ	32	32	32	33
+ Số lao động hợp đồng dưới 1 tháng		0	0	0
+ Số HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	2	2	2	2
+ Số HĐLĐ không xác định thời hạn	16	18	20	23
Lao động thử việc	14	12	10	8

- Không có lao động bị mất việc làm.

- Số lao động thôi việc: không có.

2.4. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Việc xây dựng và đăng ký nội quy lao động: đơn vị đã xây dựng và gửi đăng ký Nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Không có lao động bị xử lý kỷ luật lao động; không có lao động bị phạt tiền trừ lương; không có lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất.

2.5. Đối thoại, Thương lượng tập thể, Thỏa ước lao động tập thể

- Công ty đã xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021; đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; đã tổ chức Hội nghị người lao động năm 2023; tổ chức thương lượng tập thể về xây dựng nội quy lao động, thang lương bảng lương...
- Công ty chưa có Thỏa ước lao động tập thể.

2.6. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

* Về số tiền đóng BHXH

Năm	Số tiền kỳ trước chuyển sang	Số tiền phải đóng trong kỳ	Số tiền đã đóng trong kỳ	Số tiền chuyển kỳ sau
2020	0	250.252.108	250.252.108	
2021	0	275.016.000đ	275.016.000đ	0
2022	0	317.415.000đ	317.415.000đ	0
2023	0	392.442.000đ	392.442.000đ	0

* Về đối tượng tham gia BHXH

Năm	Số lao động đang làm việc tính đến tháng 12 (Căn cứ bảng thanh toán tiền lương tháng 12)	Số lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH		Số lao động không thuộc đối tượng tham gia BHXH
		Số lao động đã tham gia BHXH	Số lao động chưa tham gia BHXH	
2020	32	16	14	2
2021	32	18	12	2
2022	32	20	10	2
2023	33	23	8	2

- Số lao động chưa tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 8 người (đang trong thời gian tập nghề).

* Về cấp sổ BHXH, thẻ BHYT

Năm	Số lao động đang tham gia BHXH, BHYT	Số lao động đã cấp sổ BHXH, BHYT	Số lao động chưa cấp sổ BHXH, BHYT
2020	16	16	0
2021	18	18	0
2022	20	20	0
2023	22	22	0

* Việc đề nghị giải quyết, thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe: Trong thời hiệu thanh tra không có lao động nghỉ ốm đau, thai sản.

2.7. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần (nghỉ các ngày chủ nhật). Buổi sáng làm việc từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 00, buổi chiều làm việc từ 13h00 đến 17 giờ 00.

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không có

- Số giờ làm thêm: doanh nghiệp không tổ chức cho người lao động làm thêm giờ.

- Việc thực hiện các quy định về nghỉ ngày lễ, tết: người lao động được nghỉ 11 ngày (*5 ngày tết nguyên đán, 1 ngày tết dương lịch, 2 ngày quốc khánh, 1 ngày giỗ tổ, 1 ngày 30/4 và 1 ngày 1/5*).

- Thực hiện cho người lao động nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc không hưởng lương theo quy định.

- Doanh nghiệp bố trí nghỉ hàng năm là 12 ngày/năm (đối với toàn bộ lao động làm việc tại doanh nghiệp) cộng thâm niên.

2.8. Tiền lương và trả công lao động

TT	Diễn giải	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Mức lương tối thiểu DN đang áp dụng	4.200.000	4.200.000	4.500.000	4.500.000
2	Mức thu nhập thấp nhất	5.650.000	6.150.000	6.150.000	6.650.000
-	Mức thu nhập cao nhất	8.450.000	9.750.000	11.050.000	11.050.000
-	Mức thu nhập bình quân	7.050.000	7.950.000	8.600.000	8.850.000
3	Mức ăn ca/suất	25.000	25.000	25.000	25.000

- Phương thức trả lương: trả bằng tiền mặt.

- Các hình thức trả lương đang áp dụng: trả lương theo thời gian.

- Việc xây dựng thang lương, bảng lương: doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương, tuy nhiên không quy định thời gian tăng lương chưa thực hiện tăng lương cho người lao động; doanh nghiệp không thuộc đối tượng xây dựng định mức lao động.

- Tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm: không tổ chức cho người lao động làm thêm giờ, làm việc ban đêm.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động: chuyển ngày nghỉ sang năm sau.

- Tiền lương ngừng việc, trả lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không

- Việc phạt tiền, trừ lương người lao động: không.

2.9. An toàn lao động, vệ sinh lao động

2.9.1- Quy định về các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động:

- Doanh nghiệp có xây dựng Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động, tuy nhiên chưa đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 76 Luật an toàn vệ sinh lao động. Đã xây dựng nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

- Doanh nghiệp đã bố trí người làm công tác an toàn vệ sinh lao động (Quyết định số 01/QĐ-ATLĐ/TT ngày 3/1/2021).

- Ký hợp đồng với Trung tâm y tế TX Mỹ Hào để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động.

- Đã bố trí lực lượng sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc gồm 03 thành viên (Quyết định số 02/QĐ-ATLĐ/TT ngày 3/1/2021).

- Đã thực hiện việc phân loại lao động theo danh mục công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã thực hiện việc phân loại số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

- Việc kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng: định kỳ 3 tháng kiểm tra một lần.

- Việc trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc: trang bị thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bể nước, vòi nước.

- Đã xây dựng kế hoạch xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp tại nơi làm việc

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2023: không có.

- Không xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng tại doanh nghiệp.

- Việc trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để đảm bảo ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, tai nạn lao động: trang bị tủ thuốc y tế tại khu vực sản xuất.

- Đã bố trí buồng tắm, buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc;

2.9.2- Quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

- Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân trong thời gian làm việc.

- Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động: đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động và lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe người lao động theo quy định.

- Đã thực hiện việc thông tin về tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, các yếu tố nguy hiểm, có hại và các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động.

- Đã xây dựng quy trình nhận diện, đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

- Chưa có sự cố khẩn cấp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc vượt ra khỏi khả năng kiểm soát của người sử dụng lao động;

- Việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động: gồm áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, găng tay; đã mở sổ cấp phát theo quy định.

2.9.3- Quy định về sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động:

- Doanh nghiệp quản lý và sử dụng 03 thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động là xe nâng hàng, trong thời hiệu thanh tra doanh nghiệp chưa thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn. Đến ngày 27/11/2024, doanh nghiệp đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với số thiết bị trên đạt yêu cầu sử dụng.

- Đã lập hồ sơ khai báo sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên.

- Đã thực hiện các biện pháp an toàn khi sử dụng điện; máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (*nội quy về an toàn điện, phòng cháy chữa cháy, vận hành xe nâng*).

- Thực hiện phân công lao động vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động là ông Nguyễn Văn Đông và Nguyễn Văn Dũng (*Quyết định số 01/QĐVHXN-GĐ ngày 2/1/2021*).

2.9.4- Việc tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động:

- Tự huấn luyện: trong thời hiệu thanh tra doanh nghiệp tự hướng dẫn an toàn vệ sinh lao động cho người lao động khi bắt đầu vào làm việc tại doanh nghiệp. Đến 29/11/2024, doanh nghiệp phối hợp với Chi nhánh bảo hộ lao động – Công ty cổ phần Đào tạo - Kiểm định - Đo kiểm môi trường huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho cán bộ quản lý, cán bộ an toàn và người lao động.

2.9.5- Quan trắc môi trường lao động:

- Doanh nghiệp phối hợp với Trung tâm kỹ thuật môi trường và an toàn hóa chất – Chi nhánh Viện hóa học công nghiệp Việt Nam (*địa chỉ số 2 Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Chinh, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội*) đo kiểm tra môi trường Quý 1 lần. Đến ngày 1/11/2024 Công ty thực hiện đo kiểm tra môi trường lao động (*Phụ lục hợp đồng số 02 kèm theo hợp đồng số 15.3/GSMT/KTMT-TT/2024*).

2.10. Lao động đặc thù

2.10.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 8 người.

- Thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, thời giờ làm việc 7 giờ/ngày, lao động nữ trong giờ nghỉ làm vệ sinh kinh nguyệt được nghỉ 30 phút/ngày/3 ngày được tính vào thời gian làm việc. Việc trả lương cho lao động nữ trong thời gian nghỉ làm vệ sinh kinh nguyệt và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được trả lương theo hợp đồng lao động.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi hết thời gian nghỉ thai sản.

+ Đã bố trí buồng tắm, buồng vệ sinh cho lao động nữ.

2.10.2. Đối với lao động là người lao động cao tuổi

- Tổng số người lao động cao tuổi: Công ty sử dụng 03 lao động cao tuổi (đang hưởng chế độ hưu trí); thực hiện việc trả lương và trả thêm một khoản tiền bảo hiểm xã hội vào lương cho người lao động.

2.10.3. Đối với lao động là người chưa thành niên: doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

2.10.4. Đối với lao động là người nước ngoài: doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài

2.11. Khiếu nại về lao động: không.

III. KẾT LUẬN

1. Việc chấp hành pháp luật về thuế

- Việc chấp hành pháp luật về tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và lệ phí môn bài: đơn vị đã nộp đủ số tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và lệ phí môn bài vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Việc thực hiện pháp luật về thuế GTGT: qua thanh tra việc thực hiện luật thuế GTGT nhận thấy: đơn vị chấp hành tương đối tốt Luật thuế GTGT, việc kê khai thuế GTGT hàng tháng được đơn vị thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Việc thực hiện pháp luật về thuế TNDN: qua thanh tra tính tăng số TNDN phải nộp 27.984.000 đồng (năm 2021: 27.984.000 đồng) so với Báo cáo quyết toán của đơn vị, nguyên nhân do đơn vị hạch toán khoản tiền mua thiết bị ủng hộ Covid-19 không đúng theo quy định.

- Việc chấp hành pháp luật về thuế TNCN: qua thanh tra thuế TNCN tại đơn vị chưa phát hiện tồn tại trong việc chấp hành pháp luật về thuế TNCN.

2. Việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm

- Công ty đã thực hiện việc lập, cập nhật, quản lý sổ lao động, tuy nhiên việc lập, cập nhật sổ quản lý lao động chưa đầy đủ theo quy định.

- Công ty chưa có Thỏa ước lao động tập thể.

- Công ty đã xây dựng thang lương, bảng lương, tuy nhiên chưa quy định thời gian tăng lương, chưa thực hiện tăng lương cho người lao động.

- Công ty chưa sửa đổi quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định.

- Công ty đã xây dựng Nội quy lao động nhưng chưa được chấp thuận đăng ký của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: không.

V. KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả thanh tra nêu trên, Thanh tra tỉnh kiến nghị:

1. Đề nghị Chi cục thuế khu vực Mỹ Hào - Văn Lâm

Căn cứ quy định của pháp luật, xem xét xử lý vi phạm việc thực hiện pháp luật về thuế tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thanh Tùng được phát hiện qua thanh tra.

2. Đối với Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thanh Tùng

- Yêu cầu Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thanh Tùng phát huy các ưu điểm, khắc phục các tồn tại trong việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước mà kết quả thanh tra đã nêu ở trên.

- Thực hiện nghiêm túc việc kê khai, quyết toán thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành và nộp thuế TNDN phát hiện qua thanh tra so với số báo cáo quyết toán của đơn vị theo Quyết định của Chánh thanh tra tỉnh.

- Thực hiện việc lập, cập nhật, quản lý sổ lao động theo quy định tại Điều 3 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Tổ chức lấy ý kiến người lao động về việc lập thỏa ước lao động tập thể theo quy định tại Điều 76 Bộ luật lao động.

- Thực hiện việc sửa đổi ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định tại Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở có hiệu lực từ ngày 1/7/2023.

- Thực hiện nâng lương cho người lao động theo quy định tại Điều 103 Bộ luật lao động.

- Sửa đổi, hoàn thiện Nội quy lao động và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 119 Bộ luật lao động và Điều 69 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra về Thanh tra tỉnh trước ngày 12/02/2025.

3. Xử lý về kinh tế

- Quyết định thu hồi số tiền 27.984.000 đồng qua thanh tra phát hiện số tiền thuế TNDN phải nộp tăng so với số kê khai, quyết toán thuế của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thanh Tùng vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Hưng Yên (số tài khoản 3949.0.1060137 tại Kho bạc Nhà nước Hưng Yên). Ngày 31/12/2024 đơn vị đã nộp đủ số tiền trên vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Thanh tra tỉnh sẽ tiến hành theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định. 

Nơi nhận: 

- TTCP (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở LĐT&XH,
- Chi cục thuế khu vực Mỹ Hào- Văn Lâm;
- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thanh Tùng;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Phòng GS,KT & XLSTT;
- Trang thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu VT, HS.

CHÁNH THANH TRA



Đào Văn Sơn

